

Số: **214/2020/QĐST-HNGĐ**

*Tuyên Quang, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 155/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa:

*\* Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Minh T, sinh năm: 1986;  
Nghề nghiệp: Kế toán doanh nghiệp;  
Địa chỉ: Số nhà 1, phố L, tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh T.

*\* Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979;  
Nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật;  
Địa chỉ: Xóm 14, xã K, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Cao Thị Minh T và anh Nguyễn Thanh T.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2013 cho chị Cao Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Nguyễn Minh D, cùng

chị T, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Minh D đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

*“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.*

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về phần tài sản chung; vợ chồng không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Cao Thị Minh T tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000436, ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho chị T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Thanh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung, số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường Tân Quang;
- UBND xã Kim Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thu Thủy**

